TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày : 23 -3 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 42/2022/TLST- HS, ngày 15 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh ngày 01/11/1999 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978; chồng là Nguyễn Thanh T; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Tô Văn T, sinh năm 1998; nơi cư trú thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Chị Hồ Thị Ái L, sinh năm 1986, nơi cư trú thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền sử dụng cá nhân, Trần Thị N nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản tại các tiệm buôn bán không có người trông coi. Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/11/2021, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77G1 – 762.02 đi ngang qua tiệm tạp hóa T D do ông Tô Văn T làm chủ; N nhìn thấy trong tiệm tạp hóa không có người trông coi nên dừng xe trước tiệm rồi đi vào cửa tiệm kêu nhưng không có ai ra. Lúc này, N nhìn thấy gần cửa ra vào có một tủ nhôm nên đi đến dùng tay mở khóa ngăn tủ ra lấy một ví da màu đỏ đựng tiền và một tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) rồi ra lấy xe mô tô điều khiển đi đến trước Nghĩa trang liệt sĩ xã P, huyện T thì dừng lại mở ví da ra kiểm tra bên trong có số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, N bỏ 2.510.000 đồng vừa trộm được vào ví của N, rồi ném chiếc ví trộm được xuống đất. Tiếp đến, N điều khiển xe mô tô đi đến xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; khi đi ngang qua tiệm trà sữa của bà Hồ Thị Ái L làm chủ, N thấy trong tiệm không có người nên dừng xe ở trước rồi đi đến tủ kính để trong tiệm trà sữa lấy trộm số tiền 36.000 đồng (ba mươi sáu nghìn đồng) rồi ra lấy xe điều khiển đi đến thành phố Q khám bệnh và mua đồ dùng cá nhân hết số tiền 263.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng), còn lại 2.310.000 đồng (hai triệu ba trăm mười nghìn đồng) N đã giao nộp lại Cơ quan điều tra.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 280/KL – HĐ ngày 10/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phước kết luận: 01 cái ví da màu đỏ kích thước 10cm x 20cm, loại có một ngăn, không có dây kéo có giá trị thành tiền là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Tô Văn T số tiền 2.310.000 đồng (hai triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, Trần Thị N đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại, ông Tô Văn T và bà Hồ Thị Ái L không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nữa.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-TP ngày 09 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Thị N về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại; bị cáo phạm tội lần

đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng người bị hại có đơn và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về trách Nệm dân sự: Đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn Xám Đen, biển số 77G1-762.02, số khung 5837LY113707, số máy JF86E2392454 do bị cáo Trần Thị N đứng tên sở hữu, tuy Nên chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, khi sử dụng làm phương tiện phạm tội chồng bị cáo không biết, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại chiếc xe cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã công bố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian và tài sản bị mất trộm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Thị N là phụ nữ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để biết rằng trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác cụ thể vào khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 26/11/2021 bị cáo điều khiển xe mô tô

biển kiểm soát 77G1 – 762.02 đi dạo và quan sát thấy tiệm tạp hóa T D do ông Tô Văn T làm chủ không có người trông coi thấy có một tủ nhôm bị cáo đã đi đến dùng tay mở khóa ngăn tủ trộm cắp 01 cái ví da màu đỏ bên trong có đựng tiền và 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng rồi điều khiển xe đi đến trước Nghĩa trang liệt sĩ xã P, huyện T dừng lại mở ví ra kiểm tra thì có số tiền 2.500.000 đồng. Tiếp đến, bị cáo điều khiển xe đi đến xã P, huyện T quan sát thấy tiệm trà sữa của bà Hồ Thị Ái L làm chủ, thấy trong tiệm không có người nên bị cáo dừng xe ở trước rồi đi đến tủ kính để trong tiệm trà sữa lấy trộm số tiền 36.000 đồng (ba mươi sáu nghìn đồng) của chị L. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 280/KL – HĐ ngày 10/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phước kết luận: 01 cái ví da màu đỏ kích thước 10cm x 20cm, loại có một ngăn, không có dây kéo có giá trị thành tiền là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). Tổng tài sản bị cáo trộm cắp 02 lần có giá trị thành tiền là 2.596.000đ (hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thỏa mãn các dấu hiệu của tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, do đó cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và lên một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về nhân thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù có điều kiện và ấn định thời gian thử thách giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục như đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho những người bị hại, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn Xám Đen, biển số 77G1-762.02, số khung 5837LY113707, số máy JF86E2392454 do Trần Thị N đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, khi bị cáo sử dụng phạm tội chồng bị cáo không biết, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn chiếc xe này là phương tiện duy nhất của gia đình, xét thấy việc trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu cũng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên tuyên trả lại chiếc xe cho bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn qui định hình phạt bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/3/2022).

Giao bị cáo Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử L vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Trần Thị N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu sơn Xám Đen, biển số 77G1-762.02, số khung 5837LY113707, số máy JF86E2392454.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 2 năm 2022 giữa Công an huyện Tuy Phước và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/3/2022). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQ CSĐT và CQ THAHS CA H. Tuy Phước;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV và THAHS TAND T. Bình Định;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quý Phúc